

Số: /TM-BVĐK

Bắc Ninh, ngày tháng 9 năm 2025

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng dịch vụ.

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 477/QĐ-BVĐK ngày 12/9/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1 về việc phê duyệt danh mục, vị trí nhân lực vệ sinh công nghiệp trong thời gian 24 tháng cho Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1.

Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1 mời các đơn vị cung ứng dịch vụ có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật, có đủ kinh nghiệm, năng lực tham gia báo giá cho kế hoạch thực hiện gói thầu: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp trong thời gian 24 tháng cho Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1 với Danh mục mời chào giá (Phụ lục 01) và Mẫu chào giá kèm theo (Phụ lục 02).

- Địa chỉ nhận báo giá:

+ Bản gốc tại Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn - Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1.  
Đường Lê Lợi, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh.

+ Bản mềm quét PDF (bản đã đóng dấu) tại địa chỉ Email: [ksnkbvdktbg@gmail.com](mailto:ksnkbvdktbg@gmail.com)

- Thời gian: Trước 17 giờ 00 phút, ngày 26/9/2025.

- Điện thoại: 0947 110 591 ( KS. Đỗ Quỳnh Dương, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn).

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- BBT Website;
- Lưu: VT, KSNK.

**GIÁM ĐỐC**

**Thân Trọng Hưng**

**Phụ lục 01. Danh mục mời chào giá**  
(Kèm theo Thư mời số            /TM-BVĐK ngày            /9/2025)

**I. VỊ TRÍ NHÂN LỰC**

| STT | Vị trí    |   | ĐVT   | Số lượng | Bố trí  |
|-----|-----------|---|-------|----------|---|
| 1   | Nhà A     | <b>Nhà 5 tầng bao gồm:</b>                          |       | 8        | Khoa Cấp cứu bố trí người trực 24 giờ/24 giờ, khoa Khám bệnh bố trí 02 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính; khoa Thăm dò chức năng, Giải phẫu bệnh và bộ phận thanh toán bố trí 02 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính; các khoa còn lại bố trí 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính.  |
|     |           | - Cấp cứu   | Người |          |   |
|     |           | - Khám bệnh   | Người |          |   |
|     |           | - Thăm dò chức năng                                 | Người |          |   |
|     |           | - Giải phẫu bệnh                                    |       |          |   |
|     |           | - Vi sinh   | Người |          |   |
|     |           | - Hóa sinh  |       |          |   |
|     |           | - Huyết học - Truyền máu                            |       |          |   |
|     |           | Và các bộ phận thanh toán, nhà thuốc                | Người |          |   |
| 2   | Nhà C     | <b>Nhà 9 tầng bao gồm:</b>                          |       | 19       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoa: Hồi sức tích cực – Chống độc và Phẫu thuật gây mê – Hồi sức bố trí 03 người làm ca đảm bảo 24 giờ/24 giờ và 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính.</li> <li>- Các khoa: Ngoại Thần kinh, Ngoại Lồng ngực – Mạch máu, Khám chữa bệnh theo yêu cầu, Ngoại Tiêu hóa, Ngoại Thận tiết niệu – Nam học, Ngoại Tổng hợp bố trí làm ca 12 giờ/ngày/khoa.</li> <li>- Khoa Chẩn đoán hình ảnh + Thanh toán viện phí (Tầng 1): bố trí làm ca (ca 1: từ 05 giờ đến 13 giờ; ca 2: từ 13 giờ đến 21 giờ).</li> </ul> |
|     |           | - Chẩn đoán hình ảnh + Thanh toán viện phí (Tầng 1) | Người |          |   |
|     |           | - Hồi sức tích cực - Chống độc                      | Người |          |   |
|     |           | - Ngoại Thần kinh                                   | Người |          |   |
|     |           | - Ngoại Lồng ngực – Mạch máu                        | Người |          |   |
|     |           | - Khám chữa bệnh theo yêu cầu                       | Người |          |   |
|     |           | - Ngoại Tiêu hóa                                    | Người |          |   |
|     |           | - Ngoại Thận - Tiết niệu - Nam học                  | Người |          |   |
|     |           | - Ngoại Tổng hợp                                    | Người |          |   |
|     |           | - Phẫu thuật gây mê - Hồi sức                       | Người |          |   |
| 3   | Nhà D & E | <b>Nhà D (7 tầng) bao gồm các khoa:</b>             |       | 12       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoa: Chẩn đoán hình ảnh và Phẫu thuật gây mê – Hồi sức bố trí 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính.</li> <li>- Khoa Nhi bố trí người trực 24 giờ/24 giờ.</li> <li>- Khoa Phụ sản bố trí người trực 24 giờ/24 giờ và 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính</li> <li>- Khoa Mắt và Dinh dưỡng tiết</li> </ul>  |
|     |           | - Chẩn đoán hình ảnh                                | Người |          |   |
|     |           | - Nhi   | Người |          |   |
|     |           | - Phụ sản   | Người |          |   |
|     |           | - Mắt   | Người |          |   |
|     |           | - Phẫu thuật gây mê - Hồi sức                       | Người |          |   |
|     |           | - Nhà E (2 tầng): Dinh dưỡng tiết chế               | Người |          |   |

|  |            |   |       |    |   |
|--|------------|---|-------|----|---|
|  |            |   |       |    | chế bố trí người làm ca 12 giờ/ngày   |
| 4  | Nhà G và Q | <b>Nhà G tầng gồm:</b>  |       | 23 | <p>- Các khoa: Nội Tim mạch, Ngoại chấn thương – Chỉnh hình – Bông, Nội Thần kinh CXXK, Nội Tiêu hóa, Nội Tổng hợp, Lão học, Hô hấp bố trí người làm ca 12 giờ/ngày. Các khoa, phòng còn lại bố trí mỗi khoa/phòng 01 người làm việc 8 giờ/ngày theo giờ hành chính.</p> <p>- Nhà Q (Trung tâm Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ và Trung tâm Giám định y khoa) bố trí người làm ca 12 giờ/ngày.</p> <p>- Văn thư, nhà thuốc, căng tin, khu ngoại trú bố trí 03 người làm việc 8 giờ/ngày theo giờ hành chính.</p> <p>- Tầng 13,14,15: Bố trí 02 người làm 08 giờ/ngày theo giờ hành chính.</p> |
|  |            | - Văn thư, nhà thuốc, căng tin, thanh toán viện phí; các phòng điều trị ngoại trú (phòng khám + cận lâm sàng) | Người |    |   |
|  |            | - Dược & Vật tư TTBYT   | Người |    |   |
|  |            | - Nội Tim mạch  | Người |    |   |
|  |            | - Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình - Bông   | Người |    |   |
|  |            | - Nội Thần kinh - Cơ xương khớp   | Người |    |   |
|  |            | - Nội Tiêu hóa  | Người |    |   |
|  |            | - Nội Tổng hợp  | Người |    |   |
|  |            | - Lão học   | Người |    |   |
|  |            | - Tai-Mũi-Họng  | Người |    |   |
|  |            | - Răng-Hàm-Mặt  | Người |    |   |
|  |            | - Hô hấp  | Người |    |   |
|  |            | - Da liễu   | Người |    |   |
|  |            | - Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng  | Người |    |   |
|  |            | - Nội A (tầng 12)   | Người |    |   |
|  |            | - Ban GD-KHTH-QLCLBV-CĐT-HCQT-TCCB-CTXH-TCKT (tầng 13)  | Người |    |   |
|  |            | - Ban Giám đốc-Hành chính quản trị-Điều dưỡng-Giám định bảo hiểm - Telemedicine (Tầng 14)                     | Người |    |   |
| - Ban Giám đốc-Hội trường-Giao ban-CNTT-Thư viện (Tầng 15) |            |   |       |    |   |
| <b>Nhà Q (3 tầng) gồm:</b>                                 |            |   |       |    |   |
| - TT Chăm sóc sức khỏe cán bộ                              | Người      |   |       |    |   |
| - TT Giám định y khoa                                      |            |   |       |    |   |
|  |            |   |       |    | Bố trí người làm ca 12 giờ/ngày   |
| 5  | Nhà H và R | <b>Nhà H (3 tầng) gồm:</b>  |       | 1  | Bố trí 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính  |
|  |            | - Nhà thuốc số 1  | Người |    |   |
|  |            | <b>Nhà R (4 khối nhà) gồm:</b>  |       |    |   |
|  |            | - Phòng khám yêu cầu khoa Mắt.  |       |    |   |

|    |  |   |       |    |   |
|----|--|---|-------|----|---|
|    |  | - Trung tâm tư vấn và tiêm chủng (Chưa hoạt động) |       |    |   |
| 6  | <b>Nhà K</b>   | - Nhà 5 tầng: Trung tâm Bệnh nhiệt đới            | Người | 4  | Bố trí 03 người làm ca đảm bảo có mặt 24 giờ/24 giờ và có 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính |
| 7  | <b>Nhà M</b>   | - Nhà 3 tầng: Kiểm soát nhiễm khuẩn               | Người | 1  | Bố trí 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính  |
| 8  | <b>Nhà N</b>   | - Nội thận-Tiết niệu-Lọc máu                      | Người | 4  | Bố trí 03 người làm ca đảm bảo có mặt 24 giờ/24 giờ và 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính    |
| 9  | <b>Nhà P</b>   | - Nhà 3 tầng: Đơn vị can thiệp mạch               | Người | 1  | Bố trí 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính  |
| 10 | <b>Nhà T</b>   | Gồm 2 khối nhà 3 tầng:                            | Người | 1  | Bố trí 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính  |
|    |  | - Y học cổ truyền                                 |       |    |   |
|    |  | - Tổ điện, kho phòng Hành chính quản trị          |       |    |   |
| 11 | Vệ sinh ngoại cảnh, nhà đại thể, khu vực xử lý nước thải và 3 kho lưu giữ chất thải                    |   | Người | 3  | Bố trí người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính   |
| 12 | Chăm sóc cây (cắt, tỉa, tưới cây, bón phân, làm cỏ,...); Dọn, quét lá trên mái các tòa nhà             |   | Người | 1  | Bố trí 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính  |
| 13 | Đánh sàn tất cả các tòa nhà bằng máy chuyên dụng   |   | Người | 1  | Bố trí 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính  |
| 14 | Vệ sinh thang máy và thang bộ các tòa nhà  |   | Người | 1  | Bố trí 01 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính  |
| 15 | Công nhân vệ sinh cơ động làm công việc trên cao, làm quạt, cửa kính, làm các công việc trên cao 3 mét |   | Người | 2  | Bố trí người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính   |
| 16 | Giám sát   |   | Người | 2  | Bố trí người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính   |
|    | <b>Tổng cộng</b>   |   | Người | 84 |   |

- Tổng nhân lực cần sử dụng: 84 người.
- Bố trí nhân sự từ thứ 2 đến thứ 6: 100% tổng số công nhân.
- Nhân sự bố trí ngày thứ 7, chủ nhật: tối thiểu 50% tổng số công nhân nhưng phải đảm bảo sạch.
- Nhân sự bố trí ngày lễ tết: tối thiểu 50% tổng số công nhân nhưng phải đảm bảo sạch.
- Vị trí công nhân vệ sinh có thể điều chỉnh để phù hợp với tình hình của Bệnh viện.

## II. CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

| Vị trí vệ sinh                               | Nội dung yêu cầu  |
|--|---|
| <b>1. Lối vào và hành lang, cầu thang bộ</b> |   |
| 1.1. Bề mặt cửa/Khung cửa                    | Không có vết bẩn; được lau bụi thường xuyên   |
| 1.2. Sàn                                     | Sàn nhẵn không có vết bẩn; vết máu, dịch tiết   |
|  | Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn   |
|  | Sàn được phủ bằng hàng dệt may, tấm nilon không được có vết bẩn nhìn thấy được bằng mắt thường              |
| 1.3. Tường/Vách ngăn                         | Không có vết bẩn; được lau bụi thường xuyên   |
|  | Khung cửa vách ngăn dựng lên không có vết bẩn; được lau bụi thường xuyên                                    |
| 1.4. Kính/Cửa sổ (bên trong, dưới 3 mét)     | Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám, và dấu vân tay   |
| 1.5. Thiết bị/Nội thất                       | Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám   |
| 1.6. Công tắc/Bảng chỉ dẫn                   | Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám   |
| 1.7. Lan can                                 | Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, được lau bụi thường xuyên.  |
| 1.8. Cuộn dây vòi cứu hỏa/Bình cứu hỏa       | Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, được lau bụi thường xuyên.  |
| 1.9. Ghế chờ ngoài hành lang                 | Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám   |
| <b>2. Nhà vệ sinh</b>                        |   |
| 3.1. Bề mặt cửa/Khung cửa                    | Không có vết bẩn; được lau bụi thường xuyên   |
| 3.2. Sàn (bao gồm cả nắp thoát nước)         | Không có bùn đất và vết bẩn. Không đọng nước  |
| 3.3. Vách ngăn/Tường                         | Tường không có vết bẩn, được lau bụi thường xuyên   |
|  | Khung cửa vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn  |
| 3.4. Bảng kính/Cửa sổ                        | Không có vết bẩn và dấu vân tay; được lau bụi thường xuyên  |
| 3.5. Gương                                   | Không có bụi và vết bẩn và dấu vân tay  |
| 3.6. Thiết bị/Nội thất                       | Không có bụi và vết bẩn   |
| 3.7. Công tắc/Ổ điện/Bảng chỉ dẫn            | Không có bụi và vết bẩn   |
| 3.8. Chậu rửa tay/ Bàn chậu                  | Không có bụi và vết bẩn   |
|  | Vòi nước không có vết bẩn   |
|  | Không có tóc và rác trên lưới lọc trong lỗ thoát nước   |
| 3.9. Bồn cầu                                 | Lòng bồn cầu không có vết bẩn   |
|  | Không có mùi hôi  |
|  | Không xuất hiện cặn đá vôi  |
|  | Bên ngoài bồn cầu không có vết bẩn  |
| 3.10. Nắp bồn cầu                            | Cả mặt trên và mặt dưới nắp bồn cầu không có vết bẩn  |
| 3.11. Thiết bị xả nước                       | Cần gạt của thiết bị xả nước, bể nước gắn thấp và ống thoát nước của bồn cầu hoặc tiểu nam không có vết bẩn |
|  | Các phần còn lại của hệ thống (như bể nước gắn cao) phải sạch sẽ không có vết bẩn.                          |

|   |  |
|---|--|
| 3.12. Phòng tắm   | Tất cả 3 thành phần trên không có vết bẩn  |
| Thiết bị vòi tắm  |  |
| Sàn phòng tắm, bao gồm cả khe thoát nước                              | Không có tóc hoặc rác hoặc các vật khác làm bít tắc khe thoát nước                             |
| Tường phòng tắm   |  |
| 3.13. Hộp đựng giấy vệ sinh   | Không có bụi và vết bẩn. Thay giấy vệ sinh ngay khi hết (nếu có)                               |
| 3.14. Nơi treo giấy vệ sinh   | Không có bụi và vết bẩn  |
| 3.15. Thùng rác   | Không để rác tràn, đầy, rơi vãi ra sàn nhà   |
|   | Không có côn trùng trú ngụ   |
|   | Thùng rác được thay túi rác hàng ngày  |
|   | Thùng rác được cọ rửa thường xuyên   |
| <b>4. Thang máy</b>   |  |
| 4.1. Sàn/Tường/Cửa  | Sàn không có vết bẩn, rác  |
|   | Các vách bên trong thùng thang và bảng điều khiển, cửa thang không bám bụi và vết bẩn          |
| 4.3. Góc thang và đèn   | Không có rác, vết bẩn  |
| 4.4. Ray trượt cửa thang máy  | Không có đất, cát, rác,... gây kẹt thang   |
| <b>5. Các phòng làm việc, buồng bệnh, buồng khám, buồng thủ thuật</b> |  |
| 5.1. Bề mặt cửa/Khung cửa   | Không có vết bẩn; lau bụi thường xuyên   |
| 5.2. Sàn  | Sàn nhẵn; không có vết máu, rác rơi vãi,...  |
|   | Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn  |
|   | Sàn được phủ bằng hàng dệt may, tấm nylon không được có vết bẩn nhìn thấy được bằng mắt thường |
| 5.3. Tường/Vách ngăn/Trần nhà   | Không có vết bẩn, mạng nhện, được lau bụi thường xuyên   |
|   | Khung cửa vách ngăn dựng lên không có vết bẩn; được lau bụi thường xuyên                       |
| 5.4. Kính/Cửa sổ  | Không có vết bẩn, được lau bụi thường xuyên  |
| 5.5. Thiết bị/Nội thất  | Không có vết bẩn, được lau bụi thường xuyên  |
| 5.6. Công tắc/Bảng chỉ dẫn  | Không có vết bẩn, được lau bụi thường xuyên  |
| 5.7. Cuộn dây vòi cứu hỏa/Bình cứu hỏa                                | Không có vết bẩn, được lau bụi thường xuyên  |
| 5.8. Thùng đựng giấy rác  | Không có côn trùng trú ngụ, không có vết bẩn   |
|   | Thùng rác được thay rửa thường xuyên   |
|   | Không để rác tràn, đầy, rơi vãi ra sàn   |
| <b>6. Trần nhà</b>  |  |
| 6.1. Thiết bị chiếu sáng  | Không có vết bẩn, mạng nhện; được lau bụi thường xuyên   |
| 6.2. Lỗ thông hơi   | Không có vết bẩn, mạng nhện; được lau bụi thường xuyên   |
| 6.3. Tấm trần/quạt trần   | Không có mạng nhện, được lau bụi thường xuyên  |
| 6.4. Ống dẫn  | Được lau bụi thường xuyên  |
| <b>7. Chậu cây, bồn cây</b>   | Không có đầu mẫu thuốc lá  |

|  |   |
|--|---|
|  | Không có rác nổi  |
|  | Tưới nước hàng ngày   |
|  | Định kỳ tỉa bớt cành, lá cây  |
|  | Định kỳ bón phân.   |
|  | Nhỏ cỏ dại thường xuyên, không để cỏ mọc um tùm mất mỹ quan, là nơi trú ngụ cho côn trùng, muỗi                     |
| <b>8. Mặt tiền bên ngoài (nhà A)</b>         |   |
| 8.1. Tường                                   | Không có vết bẩn  |
| 8.2. Bề mặt kính                             | Được lau bụi định kỳ  |
|  | Không đọng nước   |
|  | Không có chất bẩn không làm sạch được   |
| <b>9. Mái nhà</b>                            |   |
| 9.1. Bề mặt mái nhà                          | Không có rác nổi (đất, lá cây,...)  |
| 9.2. Lối thoát nước mưa                      | Thông thoáng, không tắc, không đọng rác, đất, lá cây,...  |
| 9.3. Rãnh nước                               | Thông thoáng, không tắc, không đọng rác, đất, lá cây,...  |
| <b>10. Khu vực đường đi, bãi đậu xe, sân</b> | Không có rác  |
| <b>11. Khu vực ngoại cảnh</b>                | Không có rác  |
|  | Không có vật tư, hàng hóa thanh lý,... để không đúng nơi quy định   |
| <b>12. Đường thoát nước</b>                  | Thông thoáng, không tắc, không đọng rác, đất, lá cây,...<br>Khơi thông, vệ sinh khử khuẩn thường xuyên              |
| <b>13. Kho lưu giữ chất thải</b>             | Sắp xếp gọn gàng khi tập kết rác  |
|  | Không có rác rơi vãi dưới nền kho   |
|  | Không có vết bẩn và văng, dính chất thải rắn lên tường  |
|  | Không có mùi lạ   |
|  | Nền kho được cọ rửa sạch sẽ hàng ngày   |
|  | Biển tên, bảng nội quy kho không có vết bẩn   |
| <b>14. Thùng rác công cộng</b>               | Không có mùi hôi  |
|  | Hàng ngày phải thu gom rác trong thùng đưa về kho lưu giữ chất thải. Không để rác đầy, tràn, rơi vãi ra ngoài thùng |
|  | Không có vết bẩn ngoài thùng  |
|  | Cọ, rửa thường xuyên  |

### III. KẾ HOẠCH CÔNG VIỆC

| Kế hoạch làm việc  | Thời gian thực hiện |           |            |          |
|--|---------------------|-----------|------------|----------|
|  | Hàng ngày           | Hàng tuần | Hàng tháng | Hàng quý |
| <b>1. Khu vực sảnh, hành lang, khu vệ sinh các khoa, phòng</b> |                     |           |            |          |
| <b>a. Khu vực hành lang, tiền sảnh các khoa, phòng</b>         |                     |           |            |          |
| - Quét mạng nhện.  |                     |           | X          |          |

|  |   |   |   |   |
|--|---|---|---|---|
| - Lau đèn chiếu sáng, đèn bảo vệ.  |   |   | X |   |
| - Lau ghế chờ ngoài hành lang.   | X |   |   |   |
| - Làm sạch các vách tường: chữ viết, keo dán, giấy thông báo...                                | X |   |   |   |
| - Lau kính hành lang cả mặt trong và mặt ngoài.  |   | X |   |   |
| - Lau cửa chính, cửa sổ chớp và các kệ cửa sổ.   |   | X |   |   |
| - Lau các biển báo, biển hướng dẫn, hộp thư, hộp chứa bình chữa cháy, bảng công tắc đèn.       |   | X |   |   |
| - Tẩy vết keo cao su bám kết trên sàn nhà.   | X |   |   |   |
| - Lau lan can hành lang.   |   | X |   |   |
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau sàn bằng cây lau ướt.              | X |   |   |   |
| - Lau sàn bằng cây lau khô đảm bảo thường xuyên sạch sẽ.                                       | X |   |   |   |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định.  | X |   |   |   |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng.   |   |   |   | X |
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn.   | X |   |   |   |
| <b>b. Làm sạch cầu thang bộ, thang máy</b>   |   |   |   |   |
| - Quét mạng nhện.  |   |   | X |   |
| - Lau đèn chiếu sáng, đèn bảo vệ, bảng điện.   |   |   | X |   |
| - Làm sạch các vách tường: chữ viết, keo dán, giấy thông báo...                                |   | X |   |   |
| - Làm sạch kính cầu thang.   |   | X |   |   |
| - Lau các biển báo, biển hướng dẫn, hòm thư góp ý, hộp chứa bình chữa cháy, bảng công tắc đèn. |   | X |   |   |
| - Tẩy vết keo cao su bám kết trên sàn nhà.   | X |   |   |   |
| - Làm sạch các ô thoáng dọc hành lang, lan can, tay vịn cầu thang.                             |   | X |   |   |
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau sàn bằng cây lau ướt.              | X |   |   |   |
| - Lau sàn bằng cây lau khô.  | X |   |   |   |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định.  | X |   |   |   |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng.   |   |   |   | X |

|  |   |   |   |   |
|--|---|---|---|---|
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn.   | X |   |   |   |
| <b>c. Khu nhà vệ sinh</b>  |   |   |   |   |
| - Đảm bảo luôn sạch và không có mùi hôi, khai; không bị tắc; không có côn trùng.   | X |   |   |   |
| - Quét mạng nhện.  |   |   | X |   |
| - Lau trần.  |   | X |   |   |
| - Làm sạch kết nước.   |   |   | X |   |
| - Lau hệ thống đèn và các thiết bị vệ sinh.  | X |   |   |   |
| - Lau hệ thống cửa ra vào, cửa sổ.   |   | X |   |   |
| - Lau khô các đồ đạc, thiết bị sau khi làm sạch.   | X |   |   |   |
| - Cọ thùng rác, thay túi đựng rác.   | X |   |   |   |
| - Khử mùi, tiệt trùng, diệt khuẩn.   | X |   |   |   |
| - Thường xuyên kiểm tra đội nước hoặc xử lý các vết bẩn phát sinh.   | X |   |   |   |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định.  | X |   |   |   |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng.   |   |   |   | X |
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn.   | X |   |   |   |
| <b>2. Khu vực các phòng chức năng: (Khu hành chính, phòng Trưởng phòng/Trưởng khoa/Giám đốc trung tâm, phòng Điều dưỡng trưởng, phòng họp, phòng đợi và các phòng chức năng khác. . .)</b> |   |   |   |   |
| - Quét mạng nhện.  |   |   | X |   |
| - Lau hệ thống đèn chiếu sáng, quạt; lau bên ngoài điều hòa nhiệt độ.  |   |   | X |   |
| - Làm sạch các vách tường: chữ viết, keo dán, giấy thông báo...  | X |   |   |   |
| - Làm sạch bồn rửa tay.  | X |   |   |   |
| - Làm sạch nhà vệ sinh; không có mùi hôi, khai; không bị tắc.  | X |   |   |   |
| - Lau kính hành lang cả mặt trong và mặt ngoài.  | X |   |   |   |
| - Lau cửa chính, cửa sổ chớp và các kệ cửa sổ.   | X |   |   |   |
| - Làm sạch bảng công tắc đèn ....  |   | X |   |   |
| - Tẩy vết keo cao su bám kết trên sàn nhà.   | X |   |   |   |
| - Lau lan can hành lang.   | X |   |   |   |

|   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau sàn bằng cây lau ướt. | X |   |   |   |
| - Lau sàn bằng cây lau khô.   | X |   |   |   |
| - Cọ thùng rác, thay túi đựng rác   | X |   |   |   |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định.                                     | X |   |   |   |
| - Lau khô thiết bị văn phòng sau khi làm sạch.                                    | X |   |   |   |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng.  |   |   |   | X |
| - Khử mùi, tiệt trùng, diệt khuẩn.  | X |   |   |   |
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn.                              | X |   |   |   |
| <b>3. Khu vực các khoa/phòng chuyên môn</b>                                       |   |   |   |   |
| - Quét mạng nhện.   |   |   | X |   |
| - Lau hệ thống đèn chiếu sáng, quạt, bên ngoài điều hòa nhiệt độ.                 |   |   | X |   |
| - Làm sạch các vách tường: chữ viết, keo dán, giấy thông báo...                   |   | X |   |   |
| - Làm sạch bồn rửa tay.   | X |   |   |   |
| - Làm sạch nhà vệ sinh; không có mùi hôi, khai; không bị tắc.                     | X |   |   |   |
| - Lau kính hành lang cả mặt trong và mặt ngoài.                                   |   | X |   |   |
| - Lau cửa chính, cửa sổ chớp và các kệ cửa sổ.                                    |   | X |   |   |
| - Làm sạch bảng công tắc đèn ....   |   | X |   |   |
| - Tẩy vết keo cao su bám kết trên sàn nhà.  |   | X |   |   |
| - Lau lan can hành lang.  | X |   |   |   |
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau sàn bằng cây lau ướt. | X |   |   |   |
| - Lau sàn bằng cây lau khô.   | X |   |   |   |
| - Cọ thùng rác, thay túi đựng rác.  | X |   |   |   |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định.                                     | X |   |   |   |
| - Lau khô thiết bị văn phòng sau khi làm sạch.                                    | X |   |   |   |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng.  |   |   |   | X |
| - Khử mùi, tiệt trùng, diệt khuẩn.  | X |   |   |   |
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn.                              | X |   |   |   |
| <b>4. Khu vực các buồng bệnh</b>  |   |   |   |   |

|  |   |   |   |   |
|--|---|---|---|---|
| - Quét mạng nhện.  |   |   | X |   |
| - Lau hệ thống đèn chiếu sáng, quạt; lau bên ngoài điều hòa nhiệt độ.  |   |   | X |   |
| - Làm sạch bồn rửa tay.  | X |   |   |   |
| - Làm sạch nhà vệ sinh; không có mùi hôi, khai; không bị tắc.  | X |   |   |   |
| - Làm sạch giường bệnh nhân.   |   | X |   |   |
| - Làm sạch tủ đựng đồ của bệnh nhân sau khi ra viện.   | X |   |   |   |
| - Lau cửa chính, cửa sổ chớp và các kệ cửa sổ.   |   | X |   |   |
| - Làm sạch bảng công tắc đèn ....  |   | X |   |   |
| - Tẩy vết keo cao su bám kết trên sàn nhà.   |   | X |   |   |
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau sàn bằng cây lau ướt.  | X |   |   |   |
| - Lau sàn bằng cây lau khô.  | X |   |   |   |
| - Cọ thùng rác, thay túi đựng rác.   | X |   |   |   |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định.  | X |   |   |   |
| - Lau khô thiết bị văn phòng sau khi làm sạch.   | X |   |   |   |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng.   |   |   |   | X |
| <b>5. Khu vực khoa: Phẫu thuật gây mê - Hồi sức, Hồi sức tích cực - Chống độc, Cấp cứu, Phụ sản, Nhi, Bệnh nhiệt đới, Khu điều trị Ngoại trú, Khu can thiệp mạch</b> |   |   |   |   |
| - Đảm bảo đúng ca trực, giờ trực.  | X |   |   |   |
| - Quét mạng nhện.  |   |   | X |   |
| - Lau hệ thống đèn chiếu sáng, quạt, điều hòa nhiệt độ.  |   |   | X |   |
| - Làm sạch các vách tường: chữ viết, keo dán, giấy thông báo...  |   | X |   |   |
| - Làm sạch bồn rửa tay.  | X |   |   |   |
| - Làm sạch nhà vệ sinh; không có mùi hôi, khai; không bị tắc.  | X |   |   |   |
| - Lau kính hành lang cả mặt trong và mặt ngoài.  |   | X |   |   |
| - Lau cửa chính, cửa sổ chớp và các kệ cửa sổ.   |   | X |   |   |
| - Làm sạch bảng công tắc đèn ....  |   | X |   |   |
| - Tẩy vết keo cao su bám kết trên sàn nhà.   |   | X |   |   |
| - Lau lan can hành lang.   | X |   |   |   |

|   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau sàn bằng cây lau ướt. | X |   |   |   |
| - Lau sàn bằng cây lau khô.   | X |   |   |   |
| - Cọ thùng rác, thay túi đựng rác.  | X |   |   |   |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định.                                     | X |   |   |   |
| - Lau khô thiết bị văn phòng sau khi làm sạch.                                    | X |   |   |   |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng.  |   |   |   | X |
| - Khử mùi, tiệt trùng, diệt khuẩn.  | X |   |   |   |
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn.                              | X |   |   |   |
| <b>6. Khu vực ngoại cảnh</b>  |   |   |   |   |
| - Quét toàn bộ khu vực lối đi và sân vườn toàn viện.                              | X |   |   |   |
| - Quét, cọ rửa sàn, nền 03 kho lưu giữ chất thải.                                 | X |   |   |   |
| - Quét toàn bộ trạm xử lý nước thải và nhà đại thể.                               | X |   |   |   |
| - Vệ sinh khu vực bảo vệ.   | X |   |   |   |
| - Vệ sinh bồn cây cảnh.   |   |   | X |   |
| - Tưới cây, chăm sóc cây cảnh (cắt, tỉa, bón phân, làm cỏ,...)                    | X |   |   |   |
| - Vệ sinh thùng rác.  | X |   |   |   |
| - Thường xuyên khơi thông cống rãnh hoặc khi trời mưa.                            |   |   | X |   |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định.                                     | X |   |   |   |
| -Làm sạch kính mặt ngoài khu nhà A (5 tầng).                                      |   | X |   |   |
| - Tổng vệ sinh chung.   |   |   | X |   |



**Phụ lục 02. Mẫu chào giá**

(Kèm theo Thư mời số                      /TM-BVĐK ngày                      /9/2025)

**TÊN ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:..... Email.....

Giấy đăng ký kinh doanh số:.....được cấp bởi .....

Căn cứ vào thư mời báo giá của Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1, công ty chúng tôi kính gửi Quý bệnh viện báo giá sau:

| STT | Danh mục dịch vụ  | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá/<br>01 tháng<br>(VNĐ) | Thành tiền/<br>01 tháng<br>(VNĐ) | Thành tiền/<br>24 tháng<br>(VNĐ) | Ghi chú |
|-----|---|-------------|----------|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1   |   |             |          |                               |                                  |                                  |         |
| 2   |   |             |          |                               |                                  |                                  |         |
| ... |   |             |          |                               |                                  |                                  |         |
|     | Thuế, phí (lệ phí) nếu có   |             |          |                               |                                  |                                  |         |
|     | Tổng cộng giá trị của Dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) |             |          |                               |                                  |                                  |         |
|     | Bảng chữ:.....  |             |          |                               |                                  |                                  |         |

(Lưu ý: Giải thích chi tiết các chi phí cấu thành giá)

Báo giá có hiệu lực: ..... tháng, kể từ ngày báo giá.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá**

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

